

Bản án số: 29/2026/HS-ST
Ngày 06 - 5 - 2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4 - QUẢNG NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Hoàng Đình Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: bà Hà Thị Thu và ông Nguyễn Quang Chính.

- Thư ký phiên tòa: ông Hoàng Trung Hiếu là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh tham gia phiên tòa: ông Dương Tiến Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại Tòa án nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2026/TLST-HS ngày 08 tháng 02 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 28/2026/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2026 đối với:

- Các bị cáo:

1. Nguyễn Đức N, sinh ngày 18/3/1990, tại K, Hải Phòng; số CCCD: 030090020895; nơi đăng ký thường trú: khu N, phường K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: khu H, phường T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị N1; vợ là Nguyễn Thu P và 02 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 24/6/2025, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt.

2. Nguyễn Đức Hoàng A, sinh ngày 03/10/1998, tại K, Hải Phòng; số CCCD: 030098009500; nơi đăng ký thường trú: khu N, phường K, thành phố Hải Phòng; nơi ở hiện tại: số A đường M, khu dân cư B, phường N, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức N2 và bà Phạm Thị O; vợ là Trương Thị D, con: chưa có; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 24/6/2025, hiện tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Q. Có mặt.

3. Trần Thanh T1, sinh ngày 02/9/1998, tại T, Hải Phòng; số CCCD: 030098000353; nơi cư trú: thôn A, xã T, thành phố Hải Phòng; nghề nghiệp: lao động tự do; trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn D1 và bà Đặng Thị G; vợ là Đặng Thị Mai

H và 01 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 24/6/2025 tạm giam đến ngày 07/4/2026 được thay thế biện pháp ngăn chặn “Bảo lãnh”, hiện tại ngoại. Có mặt.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* ông Trần Ngọc C, ông Lê Văn T2, ông Trần Văn L đều là Luật sư Công ty L4 thuộc Đoàn luật sư thành phố H bào chữa cho bị cáo Trần Thanh T1. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:* chị Nguyễn Thu P, sinh năm: 1995; nơi cư trú: tổ dân phố N, phường K, thành phố Hải Phòng và chị Trương Thị D, sinh năm: 1998; nơi cư trú: tổ dân phố N, phường K, thành phố Hải Phòng (đều có mặt).

- *Người tham gia tố tụng khác:* người làm chứng chị Nguyễn Thị T3, anh Nguyễn Đức M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: hồi 03 giờ 00 ngày 17/6/2025, tại thôn X, xã Đ, tỉnh Quảng Ninh, tổ công tác thuộc Phòng Q Công an tỉnh Q phối hợp với Công an xã Đ, tỉnh Quảng Ninh kiểm tra, phát hiện trên xe ô tô mang biển kiểm soát (BKS) 14A-780.14 do Nguyễn Đức N điều khiển trên xe có 06 người nam giới Trung Quốc gồm: Ou J (Â), Yang Hao F (Dương Hạo P1), Li Jia F1 (Lý Gia P2), Chen Guang J (Trần Quảng T4), Feng X (P), Lu B (L). Trên xe ô tô mang biển kiểm soát (BKS): 14N-8433 do Nguyễn Đức Hoàng A và Trần Thanh T1 điều khiển có 06 người nam giới Trung Quốc gồm: He P (Hò Bằng T5), Xiang X (Nham Chương H), Fang X (Phòng H1), Yan X (H), W (V), L5 (Lương Hiền T6). Tại thời điểm kiểm tra cả 12 người Trung Quốc trên đều không xuất trình được thủ tục nhập cảnh hợp pháp vào Việt Nam theo quy định.

Quá trình điều tra xác định: khoảng từ đầu năm 2025, trong thời gian làm kinh doanh taxi tiện chuyến, Nguyễn Đức N quen biết với một nam giới trong hội nhóm xe tiện chuyến sử dụng số điện thoại 0353.950.196. Qua liên lạc, người nam giới này nói ngọng nên N lưu danh bạ là “Ngọng”. “Ngọng” đặt vấn đề thuê N chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép với giá 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/1 chuyến. Sau khi chở người cho “Ngọng”, N trao đổi, giới thiệu cho Nguyễn Đức Hoàng A là bạn của N để chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép cho “Ngọng” cùng với Nguyễn Đức N. Nguyễn Đức Hoàng A tự lưu trong danh bạ số điện thoại 0353.950.196 là “Quản Ca”. Nhị và Hoàng A sẽ nhận thông tin từ “Ngọng” để đi đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Vào khoảng tháng 6/2025, Hoàng A rủ thêm Trần Thanh T1 làm phụ xe cho Hoàng A do T1 đang không có công ăn việc làm, mỗi chuyến Hoàng A sẽ trả cho T1 ít nhất 500.000 đồng. Nhị sử dụng xe ô tô nhãn hiệu Innova màu bạc, biển kiểm soát: 29A- 456.87 và Hoàng A sử dụng xe ô tô Innova, màu nâu vàng, biển kiểm soát: 30Y-6676 để đưa đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Sau mỗi chuyến thành công, “Ngọng” sử dụng số tài khoản 4621005005 ngân hàng BIDV mang tên Nguyễn Thị T7 để thanh toán tiền công cho

N vào số tài khoản 0215799573498, ngân hàng M1 mang tên Nguyễn Đức M và Hoàng A vào số tài khoản 102304506999 ngân hàng M1 mang tên Nguyễn Thị Tuyết

Trong thời gian từ tháng 01/2025 đến ngày 17/6/2025, Nguyễn Đức N và Nguyễn Đức Hoàng A đã nhiều lần cùng nhau tổ chức cho người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam nhưng do thời gian đã lâu, các nội dung liên quan đến việc vận chuyển người Trung Quốc không còn dữ liệu, các bị can không nhớ chính xác thời gian, địa điểm chở người, chỉ nhớ được 02 chuyến gần nhất, phù hợp với nhau, cụ thể:

+ Ngày 04/6/2025, N và Hoàng A cùng nhận chỉ đạo từ “Ngọng” đi đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép tại Đ, Quảng Ninh. Khoảng 19h ngày 4/6/2025 cả hai cùng xuất phát, N điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 29A-456.87, Hoàng A đi cùng với Trần Thanh T1 điều khiển xe ô tô biển kiểm soát 30Y-6676. Khoảng 01 giờ ngày 05/6/2025, thì “Ngọng” chỉ đạo N đi đến ngã 3 đường Q thuộc thôn T, xã Đ, Quảng Ninh có 01 người đàn ông Việt Nam đi xe máy đỗ tại ngã 3 ở bên phải đường có lối rẽ để đi sâu vào trong khu vực đồi núi và đi theo người đàn ông đó. N bảo Hoàng A đỗ xe ở đầu ngã ba đường Q thuộc thôn T, Đ chờ và cảnh giới còn N lái xe đến vị trí đón người Trung Quốc. Sau khi đón 06 người, N quay lại chỗ Hoàng A, ba người lên xe của Hoàng A và ba người ở lại xe của N. Sau đó 02 xe ô tô cùng di chuyển lên đường cao tốc hướng M - H. Nhị chờ 03 người Trung Quốc xuống khu vực đường gom nút giao lên cao tốc Hải Phòng - Hà Nội ở huyện G, tỉnh Hải Dương còn Hoàng A chở 03 người Trung Quốc xuống khu vực V, thành phố Hải Phòng. Sau khi thả người xuống điểm chỉ định, N quay video lại gửi cho “Ngọng” biết để được thanh toán tiền công. N3 đã chuyển khoản cho N 8.000.000 đồng, Hoàng A được trả 11.000.000 đồng, còn Trần Thanh T1, được Hoàng A chuyển khoản số tiền 1.000.000 đồng.

+ Khoảng 20 giờ 00 ngày 06/6/2025, N và Hoàng A nhận được chỉ đạo từ “Ngọng” đi M, Quảng Ninh để đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Khi đến M, khoảng 01 giờ ngày 07/6/2025, “Ngọng” chỉ đạo N và Hoàng A đến vị trí gầm cầu cao tốc thuộc phường N, thành phố M, tỉnh Quảng Ninh để đón người. Nhị và Hoàng A, Trần Thanh T1 lái xe đến vị trí “Ngọng” hướng dẫn, xe ô tô của Nhị đón 04 người đàn ông Trung Quốc nhập cảnh trái phép, xe ô tô của Hoàng A và Trần Thanh T1 đón 03 người đàn ông Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Theo chỉ đạo của “Ngọng”, N và Hoàng A chở 07 người Trung Quốc đến khu vực huyện G, Hà Nội. Sau đó, N được thanh toán 14.000.000 đồng còn Hoàng A đã nhận 11.000.000 đồng được tiền, Hoàng A chuyển khoản cho Trần Thanh T1 số tiền 1.000.000 đồng.

+ Tiếp tục đến khoảng 19 giờ 00 phút ngày 16/6/2025, N, Hoàng A nhận chỉ đạo của N3 đi đón người Trung Quốc nhập cảnh trái phép tại V, Quảng Ninh. Khi đến V, có 01 người đàn ông Việt Nam không rõ thông tin sử dụng số điện thoại 0828568934 gọi cho N và yêu cầu hai xe di chuyển xuống khu vực Đ, Quảng Ninh để đón khách. Đến khoảng 02 giờ ngày 17/6/2025, N, Hoàng A và T1 di chuyển đến khu vực Đ, Đ, Quảng Ninh để đón người, thì có 01 người đàn ông Việt Nam điều khiển xe mô tô không rõ biển kiểm soát dẫn xe đi đến khu vực bờ đê giáp biển, mỗi

xe đón 06 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Khi xe bắt đầu di chuyển thì bị lực lượng chức năng phát hiện, kiểm tra.

Quá trình điều tra Nguyễn Đức N, Nguyễn Đức Hoàng A, Trần Thanh T1 khai nhận phù hợp với nội dung trên. Ngoài ra, Trần Thanh T1 khai: do thất nghiệp nên T1 được Hoàng A rủ đi lái xe thuê, Hoàng A có hứa trả tiền công cho T1 khi đi cùng Hoàng A. T1 đã 04 lần cùng Hoàng A đi chở người Trung Quốc. Lần đầu tiên, T1 cùng Hoàng A đón người Trung Quốc tại sân bay N. Đối với chuyến chở người Trung Quốc vào ngày 04/6/2025 và ngày 06/6/2025, T1 có tham gia cùng Hoàng A nhưng không biết về số người Trung Quốc đã chở là người nhập cảnh trái phép chỉ sau chuyến chở người Trung Quốc vào ngày 6/6/2025, T1 mới được Hoàng A nói cho biết việc đang tham gia cùng Hoàng A là chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép. Tuy nhiên Nguyễn Đức Hoàng A khai: T1 không tham gia bàn bạc vào việc đón người nhập cảnh trái phép giữa Hoàng A và N nhưng quá trình đi cùng T1 từ buổi ngày 04/6/2025, Hoàng A cũng giải thích rõ đi đón người Trung Quốc không có giấy tờ nên cần đi vào đêm tối. Cơ quan điều tra đã tiến hành cho Nguyễn Đức Hoàng A và Trần Thanh T1 đối chất, cả hai giữ nguyên lời khai.

Tại bản Cáo trạng số: 15/CT-VKSQN-P1 ngày 06/02/2026, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố các bị cáo Nguyễn Đức N, Nguyễn Đức Hoàng A và Trần Thanh T1 về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh được phân công thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo về tội danh như nội dung bản cáo trạng, đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025), xử phạt: bị cáo Nguyễn Đức N từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù; xử phạt: bị cáo Nguyễn Đức Hoàng A từ 07 (bảy) năm đến 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù của cả hai bị cáo tính từ ngày 24/6/2025.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 17, Điều 58, khoản 2 Điều 54, khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) xử phạt: bị cáo Trần Thanh T1 từ 30 (ba mươi) đến 36 (ba mươi sáu) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách.

Về hình phạt bổ sung: xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp, thu nhập ổn định nên không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về vật chứng vụ án: áp dụng điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 của Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Đức N một điện thoại

nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max màu trắng, đã qua sử dụng; một điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno6 5G màu xanh đen, đã qua sử dụng; một điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno2 F màu xanh da trời, đã qua sử dụng. Tịch thu, tiêu hủy các số sim kèm theo điện thoại.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Đức Hoàng A một điện thoại nhãn hiệu S. Tịch thu, tiêu hủy số sim kèm theo.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Đức Hoàng A một điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Pro màu trắng, kèm một sim thuê bao.

- Trả lại bị cáo Trần Thanh T1 một điện thoại nhãn hiệu S1.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 22.000.000 đồng của Nguyễn Đức N, 20.000.000 đồng của Nguyễn Đức Hoàng A và 2.000.000 đồng của Trần Thanh T1, là tiền thu lợi bất chính từ hành vi phạm tội của các bị cáo (số tiền trên các bị cáo đã tự nguyện nộp lại trước khi xét xử).

- Trả lại bị cáo Nguyễn Đức Hoàng A số tiền 2.000.000 đồng, tiền bị cáo tự nguyện nộp thừa so với tiền thu lợi bất chính phải tịch thu.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Đức N một CCCD số 030090020895 mang tên Nguyễn Đức N và một giấy phép lái xe Hạng C, mang tên Nguyễn Đức N.

- Trả lại bị cáo Trần Thanh T1 một CCCD mang tên Trần Thanh T1.

- Trả lại chị Nguyễn Thu P một xe ô tô, biển kiểm soát 29A-456.87, nhãn hiệu Toyota Innova, màu bạc, xe cũ, đã qua sử dụng, một giấy chứng nhận kiểm định ATKT và BVMT số 0826034 cấp ngày 15/5/2025; một giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 036973, chủ xe Dương Thị D2; một giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự và bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số 0003066, chủ xe Dương Thị D2, một giấy bán xe ô tô giữa ông Nguyễn Văn T8 với anh Nguyễn Đức N.

- Trả lại chị Trương Thị D một xe ô tô, biển kiểm soát 30Y-6676, nhãn hiệu Toyota Innova, màu vàng nâu, xe cũ, đã qua sử dụng, một giấy chứng nhận kiểm định ATKT và BVMT số 4199447 cấp ngày 6/01/2025; một giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 30Y-6766, tên chủ xe Nguyễn Phương L1.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án chị Nguyễn Thu P và chị Trương Thị D có ý kiến trình bày: chị P là vợ bị cáo N, chị D là vợ bị cáo Hoàng A. Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát 29A-456.87 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa chị P và bị cáo N. Chiếc xe ô tô nhãn hiệu Toyota Innova, biển kiểm soát 30Y-6676 là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân giữa chị D và bị cáo Hoàng A. Các chị hoàn toàn không biết các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, đây là tài sản lớn và phương tiện duy nhất phục vụ vào mục đích đảm bảo nhu cầu gia đình và đi lại, các chị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trả hai chiếc xe ô tô nói trên.

Tại phiên tòa, người bào chữa cho bị cáo Trần Thanh T1 có quan điểm bào chữa: Luật sư hoàn toàn nhất trí với đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng đối với bị cáo T1. Về tình tiết giảm nhẹ đồng tình với quan điểm của Viện

kiểm sát, bị cáo được áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Luật sư chỉ tập trung vào một số tình tiết vụ án để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo Trần Thanh T1. T1 được bạn rủ lái xe thuê, suy nghĩ giản đơn để lái xe để kiếm tiền nuôi gia đình, chưa thấu đáo về tính nghiêm trọng của vụ việc. T1 phạm tội lần đầu, trong vụ án đồng phạm với vai trò không đáng kể. Thời gian tạm giam đã lâu nên đã suy tích cực và nhận được bài học, hoàn toàn đồng tình với việc đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về việc áp dụng khoản 2 Điều 54 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự để cho bị cáo được hưởng án treo, tuy nhiên mức hình phạt đề nghị đối với bị cáo T1 còn nghiêm khắc, Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem áp dụng mức hình phạt từ 15 đến 18 tháng tù cho hưởng án treo đối với bị cáo T1.

Bị cáo Trần Thanh T1 đồng ý với quan điểm của người bào chữa, không có ý kiến bổ sung và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện Viện kiểm sát có quan điểm tranh luận: về mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị đối với bị cáo T1, như đã viện dẫn, đại diện Viện kiểm sát đã đánh giá đầy đủ, toàn diện tính chất vai trò của bị cáo T1 để áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội trong vụ án đồng phạm với vai trò không đáng kể. Tuy nhiên, trước tình hình diễn biến phức tạp của loại tội phạm này, thì việc đề nghị một mức hình phạt tương xứng với hành vi của bị cáo T1 là cần thiết, nhằm răn đe, phòng ngừa chung. Đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm.

Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Đức N, Nguyễn Đức Hoàng A, Trần Thanh T1 thừa nhận hành vi phạm tội và tội danh như Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh đã truy tố là đúng. Lời nói sau cùng các bị cáo ăn năn, hối hận về hành vi phạm tội của mình và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ninh, Kiểm sát viên: trong quá trình điều tra, truy tố của cơ quan tiến hành tố tụng, của người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Vì vậy, trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh, tình tiết định khung hình phạt, điều luật Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4 - Quảng Ninh truy tố:

[2.1] Về chứng cứ xác định các bị cáo có tội: tại phiên tòa các bị cáo Nguyễn

Đức N, Nguyễn Đức Hoàng A, Trần Thanh T1 khai báo thành khẩn về hành vi phạm tội của mình, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người làm chứng, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án: như biên bản kiểm tra hành chính, biên bản giữ người trong trường hợp khẩn cấp, biên bản xác định hiện trường, bản ảnh hiện trường, lời khai của những người nhập cảnh trái phép và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập hợp pháp có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra và công bố công khai tại phiên tòa có đủ cơ sở xác định: trong các ngày 04/6/2025, 06/6/2025, tại khu vực xã Đ, phường M, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Đức N sử dụng xe ô tô nhãn hiệu Innova màu bạc, biển kiểm soát 29A- 456.87 và Nguyễn Đức Hoàng A sử dụng xe ô tô Innova, màu nâu vàng, biển kiểm soát 30Y-6676, có hành vi 02 lần tổ chức cho người Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam trong đó N thu lợi 22.000.000 đồng còn Hoàng A thu lợi 22.000.000 đồng. Đến khoảng 03 giờ ngày 17/6/2025, tại khu vực Đ, xã Đ, Quảng Ninh, Nguyễn Đức N và Nguyễn Đức Hoàng A cùng Trần Thanh T1 giúp sức tiếp tục sử dụng hai xe ô tô nêu trên tổ chức người Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam thì bị Phòng Q Công an tỉnh Q kiểm tra, bắt giữ. Do đó, hành vi của các bị cáo Nguyễn Đức N, Nguyễn Đức Hoàng A, Trần Thanh T1 phải chịu trách nhiệm hình sự về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” quy định tại Điều 348 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025) như kết luận của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ, đúng pháp luật.

[2.2] Về tình tiết định khung hình phạt: trong các ngày 04/6/2025, 06/6/2025, tại khu vực xã Đ, phường M, tỉnh Quảng Ninh, Nguyễn Đức N và Nguyễn Đức Hoàng A có hành vi sử dụng xe ô tô 02 lần tổ chức cho 13 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam. Đến khoảng 03 giờ ngày 17/6/2025, tại khu vực Đ, xã Đ, Quảng Ninh, Nguyễn Đức N và Nguyễn Đức Hoàng A cùng Trần Thanh T1 tiếp tục sử dụng xe ô tô tổ chức cho 12 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép từ Trung Quốc vào Việt Nam. Như vậy Nguyễn Đức N, Nguyễn Đức Hoàng A đã cùng nhau tổ chức cho 25 người nhập cảnh trái phép còn Trần Thanh T1 giúp sức cho N và Hoàng A tổ chức cho 12 người nhập cảnh trái phép. Do đó, các bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự với tình tiết định khung hình phạt là “đối với 11 người trở lên” quy định tại điểm a khoản 3 Điều 348 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[3] Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến trật tự quản lý hành chính trong lĩnh vực nhập cảnh, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương. Do đó, cần đưa các bị cáo ra xét xử nghiêm mới có tác dụng giáo dục, ngăn chặn và phòng ngừa chung.

[4] Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, Hội đồng xét xử thấy đây là vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo N là người trực tiếp liên hệ, quen biết với đối tượng “Ngọng” là người có nhu cầu thuê người chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào Việt Nam. Sau khi chở người cho “Ngọng” N rủ thêm Nguyễn Đức Hoàng A (là người thân thích trong gia đình) tham gia chở người cùng N, Hoàng A hưởng ứng tích cực. Cả hai sử dụng ô tô cá nhân và đều nhận thông tin

trực tiếp từ “Ngọng”. Tiền công sau mỗi chuyến “Ngọng” chuyển vào tài khoản ngân hàng do N và Hoàng A chỉ định. Do đó, xác định vai trò của N và Hoàng A là ngang nhau. Đối với bị cáo T1 là bạn của Hoàng A, do đang thất nghiệp nên Hoàng A rủ T1 đi phụ xe cho Hoàng A, mỗi chuyến Hoàng A trả cho T1 ít nhất 500.000 đồng. T1 không tham gia bàn bạc vào việc đón người Trung Quốc, không biết việc N và Hoàng A thường xuyên chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, mặc dù lái xe cho Hoàng A chở người Trung Quốc vào các ngày 04/6/2025, 06/6/2025 và ngày 16/6/2025 tuy nhiên chỉ đến sau ngày 06/6/2025 T1 mới được Hoàng A nói cho biết việc đang tham gia cùng Hoàng A là chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, do đó T1 là người giúp sức trong vụ án đồng phạm nhưng vai trò không đáng kể. Khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử cần xem xét đến vai trò, đặc điểm nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ các bị cáo được hưởng, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội của các bị cáo, để đưa ra mức hình phạt phù hợp với hành vi của từng bị cáo.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: các bị cáo Nguyễn Đức N và Nguyễn Đức Hoàng A đều phạm tội hai lần trở lên, nên bị áp dụng tình tiết tăng nặng quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Trước khi mở phiên tòa, các bị cáo đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, do đó các bị cáo còn được hưởng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[7] Về hình phạt chính: từ các phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy, cần thiết ấn định mức hình phạt trong khung hình phạt đã truy tố đối với các bị cáo Nguyễn Đức N và Nguyễn Đức Hoàng A và cách ly bị cáo N và Hoàng A khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt. Đối với bị cáo Trần Thanh T1 phạm tội lần đầu, là người giúp sức nhưng có vai trò không đáng kể, chỉ là lái xe phụ cho bị cáo Hoàng A, số tiền hưởng lợi không lớn, ngay sau khi phạm tội đã tự nguyện nộp lại toàn bộ số tiền thu lợi bất chính, bản thân bị cáo thất nghiệp, gia đình gặp hoàn cảnh khó khăn. Do đó, Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 54 của Bộ luật Hình sự xem xét, quyết định hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt, nhưng không trong khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật, mà ấn định mức hình phạt trong khung hình phạt tại khoản 1 Điều 348 của Bộ luật Hình sự thể hiện tính nhân đạo và khoan hồng trong chính sách pháp luật hình sự, đồng thời xét thấy bị cáo T1 có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi xã hội, việc cho bị cáo hưởng án treo không gây nguy hiểm cho xã hội, không ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội nên áp dụng Điều 65 của Bộ luật Hình sự cho bị cáo được hưởng án treo cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung và việc đề nghị mức hình phạt từ 30 đến 36 tháng tù, cho hưởng án treo đối với bị cáo T1 như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có cơ sở chấp nhận. Do đó, không

chấp nhận đề nghị của người bào chữa về việc về áp dụng mức hình phạt thấp hơn đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo T1.

[8] Về hình phạt bổ sung: xét thấy các bị cáo không có nghề nghiệp và thu nhập ổn định, nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max màu trắng, 01 (một) điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno6 5G màu xanh đen, 01 (một) điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno2 F màu xanh da trời thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức N, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước. Tịch thu, tiêu hủy các số sim kèm theo.

- 01 (một) điện thoại Samsung màu tím nhãn hiệu Galaxy S24 Ultra, thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức Hoàng A, bị cáo sử dụng vào việc phạm tội, nên cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước. Tịch thu, tiêu hủy số sim thuê bao kèm theo.

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Pro màu trắng, kèm một sim thuê bao thu giữ của bị cáo Nguyễn Đức Hoàng A, bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo.

- 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Samsung Galaxy S22 Ultra màu tím thu giữ của bị cáo Trần Thanh T1, bị cáo không sử dụng vào việc phạm tội, nên cần trả lại cho bị cáo.

- Đối với số tiền thu lợi bất chính tổng số 44.000.000 đồng do các bị cáo phạm tội mà có, cần tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước. Trả lại bị cáo Nguyễn Đức Hoàng A số tiền 2.000.000 đồng, tiền tự nguyện nộp thừa so với số tiền thu lợi bất chính phải tịch thu.

- 01 (một) CCCD số 030090020895 mang tên Nguyễn Đức N và 01 (một) giấy phép lái xe Hạng C, mang tên Nguyễn Đức N; 01 (một) CCCD mang tên Trần Thanh T1 là giấy tờ nhân thân của các bị cáo, không liên quan đến vụ án, cần trả lại cho các bị cáo.

- 01 (một) xe ô tô, biển kiểm soát 29A-456.87, nhãn hiệu Toyota Innova cùng giấy tờ kèm theo; 01 (một) xe ô tô, biển kiểm soát 30Y-6676 là các phương tiện duy nhất phục vụ vào mục đích đảm bảo nhu cầu gia đình và đi lại cần trả lại cho chị Nguyễn Thu P và chị Trương Thị D.

[10] Nội dung liên quan:

- Đối với 12 người Trung Quốc nhập cảnh trái phép điều khai do có nhu cầu tìm kiếm việc làm nên đã thuê người vận chuyển vào Việt Nam bằng đường biển trái phép. Mười hai người Trung Quốc chưa bị xử phạt hành chính trong lĩnh vực xuất, nhập cảnh.

- Đối với việc Nguyễn Đức N mượn tài khoản ngân hàng M1 mang tên Nguyễn Đức M; Nguyễn Đức Hoàng A mượn tài khoản ngân hàng M1 mang tên

Nguyễn Thị Tuyết . M và T3 không biết việc N và Hoàng A chở người Trung Quốc trái phép, nên không đủ căn cứ xử lý.

- Đối với số tài khoản “Ngong” sử dụng chuyển tiền cho Nguyễn Đức N và Nguyễn Đức Hoàng A, xác định là tài khoản của chị Nguyễn Thị Thu T9 tại: phường N, thành phố Hải Phòng. Chị T7 làm dịch vụ chuyển tiền, đổi tiền cho các khách hàng, không biết việc chuyển tiền liên quan đến chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, do vậy không có căn cứ để xử lý.

- Đối với người nam giới sử dụng số điện thoại 0353.950.196 thuê Nhi, Hoàng A chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, xác định chủ số thuê bao là Vũ Đức D3 (sinh năm 1992; trú tại: thôn V, T, Đ, Quảng Ninh). Cách đây khoảng 01 năm thì D3 làm mất điện thoại này và sử dụng số điện thoại khác để liên lạc. Anh D4 không quen biết với N, Hoàng A và không liên quan đến việc tổ chức cho người Trung Quốc nhập cảnh trái phép, nên không đủ căn cứ xử lý.

- Đối với người sử dụng số điện thoại 0828.568.934 liên lạc với Nguyễn Đức N trong quá trình chở người Trung Quốc nhập cảnh trái phép vào ngày 17/6/2025, xác định chủ thuê bao là Cháo A L2 (sinh ngày 02/8/2007; CCCD số 011207007168; địa chỉ: Bản H, P, M, Điện Biên). Xác minh tại địa phương, không có thông tin công dân tên Cháo A L2, nhưng có công dân mang tên Cháo A L3, sinh ngày: 02/8/2007; CCCD số 011207007168, trú tại Bản H, xã N, tỉnh Điện Biên (trước đây là Bản Huổi Lụ 1, xã P, huyện M, Điện Biên). Cháo A L3 đi làm thuê tại Bắc Ninh từ tháng 2/2025 và đăng ký tạm trú tại M, phường P, tỉnh Bắc Ninh. Xác minh tại phường P, tỉnh Bắc Ninh, có trường hợp Cháo A L3 đăng ký tạm trú nhưng không có mặt tại địa phương, không xác định được người này đi đâu làm gì nên Cơ quan điều tra không có điều kiện xác minh, làm rõ nên sẽ tiếp tục xác minh, làm rõ sau.

- Đối với 12 biển số thu giữ trên xe của Nguyễn Đức N và Nguyễn Đức Hoàng A, quá trình điều tra, N và Hoàng A khai đặt mua trên mạng. Cơ quan An ninh điều tra đã tách nguồn tin về tội phạm liên quan đến việc mua, sử dụng các biển số giả của các bị can Nguyễn Đức N, Nguyễn Đức Hoàng A để tiếp tục kiểm tra, xác minh sau.

[12] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[13] Về quyền kháng cáo: các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh, hình phạt và điều luật áp dụng:

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức N 07 (bảy) năm tù, về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/6/2025.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức Hoàng A 07 (bảy) năm tù, về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép” thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 24/6/2025.

- Căn cứ vào điểm a khoản 3 Điều 348, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 17, Điều 58, khoản 1, 2, 5 Điều 65 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Xử phạt bị cáo Trần Thanh T1 03 (ba) năm tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm về tội “Tổ chức cho người khác nhập cảnh trái phép”.

Giao bị cáo Trần Thanh T1 cho Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Hải Phòng giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú, thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm a, b khoản 2, điểm b khoản 3 của Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025).

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 15 Pro Max màu trắng, số Imei 1: 350814296175524; Imei 2: 350814296048168 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong. Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) sim thuê bao số 0372865678.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno6 5G màu xanh đen, số Imei 1: 868585059950056; số Imei 2: 868585059950049 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong. Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) sim thuê bao 0793369236.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại nhãn hiệu OPPO Reno2 F màu xanh da trời, số Imei 1: 869563045149231; số Imei 2: 869563045149223 đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong. Tịch thu 01 (một) sim thuê bao số 0329082413.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước 01 (một) điện thoại Samsung màu tím nhãn hiệu Galaxy S24 Ultra, số I: 350518490960413; số Imei 2: 355338500960419, điện thoại cũ đã qua sử dụng không kiểm tra chất lượng bên trong. Tịch thu, tiêu hủy 01 (một) sim thuê bao số 0337598999.

- Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức Hoàng A 01 (một) điện thoại nhãn hiệu Iphone 14 Pro màu trắng, số Imei 1: 351942135841409; số Imei 2: 351942134196276 điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong và 01 (một) sim thuê bao số 0896678416.

- Trả lại cho bị cáo Trần Thanh T1 01 (một) điện thoại Samsung màu tím,

nhãn hiệu Galaxy S22 Ultra, số I: 353748820627013; số Imei 2: 354097530 627015, điện thoại cũ đã qua sử dụng, không kiểm tra chất lượng bên trong 01 (một) CCCD mang tên Trần Thanh T1.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Đức N 01 (một) CCCD số 030090020895 và 01 (một) giấy phép lái xe hạng C mang tên Nguyễn Đức N.

- Trả lại chị Nguyễn Thu P 01 (một) xe ô tô, biển kiểm soát 29A-456.87, nhãn hiệu Toyota Inova, màu bạc, xe cũ đã qua sử dụng; tình trạng bên trong xe không có tài sản gì; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định ATKTK và BVMT số 0826034 cấp ngày 15/5/2025; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 036973, chủ xe Dương Thị D2; 01 (một) giấy chứng nhận bảo hiểm bắt buộc trách nhiệm dân sự và bảo hiểm tự nguyện xe ô tô số 0003066, chủ xe Dương Thị D2; 01 (một) giấy bán xe ô tô giữa ông Nguyễn Văn T8 với Nguyễn Đức N.

- Trả lại chị Trương Thị D 01 (một) xe ô tô, biển kiểm soát 30Y-6676, nhãn hiệu Toyota Innova, màu vàng nâu, xe cũ, đã qua sử dụng, tình trạng bên trong xe không có tài sản gì; 01 (một) giấy chứng nhận kiểm định ATKTK và BVMT số 4199447 cấp ngày 06/01/2025; 01 (một) giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô biển kiểm soát 30Y-6766, mang tên chủ xe Nguyễn Phương L1.

(Tình trạng số vật chứng trên theo Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày số: 31/BB-THA/KV4 ngày 09/02/2026 giữa Cơ quan CSĐT Công an tỉnh Q và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 4 - Quảng Ninh).

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 22.000.000^d (hai mươi hai triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Đức N (số tiền trên bị cáo đã tự nguyện nộp theo Biên lai thu tiền số: 0000571 ngày 24/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh).

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 20.000.000^d (hai mươi triệu đồng) của bị cáo Nguyễn Đức Hoàng A (số tiền trên bị cáo đã tự nguyện nộp theo Biên lai thu tiền số: 0000572 ngày 24/4/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ninh). Trả lại cho bị cáo Nguyễn Đức Hoàng A số tiền 2.000.000^d (hai triệu đồng).

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước số tiền 2.000.000^d (hai triệu đồng), của bị cáo Trần Thanh T1 (số tiền trên bị cáo đã tự nguyện nộp theo giấy nộp tiền mặt ngày 26/12/2025 của Ngân hàng TMCP Đ - Chi nhánh Q1).

3. Về án phí: căn cứ vào khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025); điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số: 326/2015/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: buộc các bị cáo Nguyễn Đức N, Nguyễn Đức Hoàng A, Trần Thanh T1, mỗi bị cáo phải chịu 200.000^d (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: căn cứ vào khoản 1 Điều 331 và khoản 1, 3 Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự (sửa đổi, bổ sung năm 2025). Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND tỉnh Quảng Ninh;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Cơ quan CSĐT, THAHS Công an tỉnh QN;
- Viện kiểm sát, Phòng THADS cùng cấp;
- Trại tạm giam Công an tỉnh QN;
- Phòng HSNV Công an tỉnh QN;
- Lưu: hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hoàng Đình Khoa